

Biểu 1

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024 kéo dài và 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMBT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh)	Trong đó: NS TW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh)	Trong đó: NS TW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh)	Trong đó: NS TW			
				Số/ngày	TMBT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMBT											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh)	Trong đó: NS TW			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh)	Trong đó: NS TW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =13-18	21=14-19	22	23	24
			TỔNG CỘNG		1,000,000	1,000,000	0	0	0	0	0	1,000,000	1,000,000	0	0	0	0	0	0	0	1,000,000	1,000,000	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
B			Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		1,000,000	1,000,000						1,000,000	1,000,000								1,000,000	1,000,000	
1	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường DH Tân Hòa - Bình Dương, xã Tân Lợi		330,000	330,000	xã Tân Lợi	9 km	2026	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	330,000	330,000	2026							330,000	330,000	Hoàn thiện mở rộng theo QH 32m
2	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng tuyến 3 nối dài đến ranh QH khu CN-DC Đồng Phú, xã Tân Lợi		195,000	195,000	xã Tân Lợi	2,4km	2026	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	195,000	195,000	2026							195,000	195,000	Mở mới theo QH 42m
3	Thủy lợi	Chưa có mã	Nạo vét Suối rạt		25,000	25,000	xã Tân Lợi; xã Đồng Phú	20km	2026	2027	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	25,000	25,000	2026							25,000	25,000	
4	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường Chơn Thành - Đồng Phú đoạn qua xã Tân Lợi đến đường ĐT 753, xã Tân Lợi		450,000	450,000	xã Tân Lợi	6km	2027	2030	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	450,000	450,000	2027							450,000	450,000	Mở mới theo QH 42m

Biểu 2
DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/ND-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế vốn bố trí từ đầu dự án đến hết năm 2025		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024		Vốn bố trí còn thiếu so với TMBT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	
				Số/ngày	TMBT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMBT											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Xã, Huyện, Khác)	Trong đó: NS tỉnh			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Xã, Huyện, Khác)	Trong đó: NS tỉnh										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =13-18	21=14-19	22	23	24
			TỔNG CỘNG A+B+C		2,128,000	2,128,000						2,128,000	2,128,000								2,128,000	2,128,000	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B			Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		2,118,000	2,118,000						2,118,000	2,118,000								2,118,000	2,118,000	
1	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng tuyến 2 nối dài đến ranh QH khu CN-DC Đồng Phú, xã Tân Lợi		400,000	400,000	xã Tân Lợi	3,5km	2026	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	400,000	400,000	2026							400,000	400,000	Mở mới theo QH 65m
2	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng tuyến 4 nối dài đến ranh QH khu CN-DC Đồng Phú, xã Tân Lợi		100,000	100,000	xã Tân Lợi	1,1km	2026	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	100,000	100,000	2026							100,000	100,000	Mở mới theo QH 42m
3	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng tuyến kết nối số 7 đến đường ĐT 753, xã Tân Lợi		350,000	350,000	xã Tân Lợi	11km	2026	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	350,000	350,000	2026							350,000	350,000	Mở mới theo QH 42m
4	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng Cầu ông Ký xã Tân Lợi		75,000	75,000	xã Tân Lợi	75m	2026	2028	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	75,000	75,000	2026							75,000	75,000	
5	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã ba ông Thanh đi cầu Hăng (giao cắt với đường Đồng Tiến - Tân Phú)		83,000	83,000	xã Tân Lợi	2,3km	2026	2028	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	83,000	83,000	2026							83,000	83,000	
6	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường trục chính từ UBND xã Tân Lợi mới đến đường Đồng Tiến - Tân Phú (Dabaco)		200,000	200,000	xã Tân Lợi	7km	2027	2030	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	200,000	200,000	2027							200,000	200,000	Hoàn thiện mở rộng theo QH 28m (điểm đầu: Ngã ba Đồng Bía - điểm cuối: Dabaco)
7	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp mở rộng đường Tân Phú - Tân Hưng, xã Tân Lợi (từ cầu Ký đến ngã ba ấp 5)		120,000	120,000	xã Tân Lợi	5,5km	2027	2030	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	120,000	120,000	2027							120,000	120,000	Hoàn thiện mở rộng theo QH 28m
8	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường từ Cầu Mới đến Trung tâm xã Tân Lợi		150,000	150,000	xã Tân Lợi	8,5km	2028	2030	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2028	150,000	150,000	2028							150,000	150,000	Hoàn thiện mở rộng theo QH 28m
9	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp mở rộng đường TTHC xã Tân Lợi đi ĐT 753 ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi		220,000	220,000	xã Tân Lợi	8,8km	2029	2031	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2029	220,000	220,000	2029							220,000	220,000	Hoàn thiện mở rộng theo QH 32m (điểm đầu: Ngã ba Đồng Bía - điểm cuối: ĐT 753)
10	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường kết nối từ CCN Tân Hưng đi ĐT 753		100,000	100,000	xã Tân Lợi	3,5km	2029	2031	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2029	100,000	100,000	2029							100,000	100,000	Mở mới theo QH 26m
11	Xây dựng	Chưa có mã	Xây dựng trường THPT Tân Lợi		90,000	90,000	800-1000 học sinh		2030		Dự kiến duyệt dự án trong năm 2030	90,000	90,000	2030							90,000	90,000	khoảng 1ha
12	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp mở rộng đường DH Tân Tiến - Tân Hòa (từ Tuyến kết nối số 3 đến Cụm Công nghiệp Tân Tiến 2), xã Tân Lợi		180,000	180,000	xã Tân Lợi	3,3km	2030	2032	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2030	180,000	180,000	2030							180,000	180,000	Hoàn thiện mở rộng theo QH 28m
13	Hạ tầng ngoài ranh KCN	Chưa có mã	đầu tư hạ tầng ngoài ranh khu, cụm công nghiệp trên địa bàn xã Tân Lợi		50,000	50,000			2030	2031	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2030	50,000	50,000	2,030							50,000	50,000	
C			Chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2031-2035		10,000	10,000						10,000	10,000								10,000	10,000	

Biểu 3
DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lấy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân năm 2024 kéo dài, 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMDT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					Quyết định duyệt dự án đầu tư														
				Số/ngày	TMDT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMDT											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS xã			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS xã										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=13-18	21=14-19	22	23	24
			TỔNG CỘNG		875,000	875,000						875,000	875,000								875,000	875,000	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B			Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		865,000	865,000						865,000	865,000								865,000	865,000	
I	Lĩnh vực giao thông				520,000	520,000						520,000	520,000								520,000	520,000	
1	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường từ Đồi troc ấp 5 đến đường ĐT 753 xã Tân Lợi (nối tiếp)		23,000	23,000	xã Tân Lợi	4km	2026	2027		23,000	23,000	2026							23,000	23,000	
2	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường từ ngã Ba nhà Nám Tin đi Nam Đò, xã Tân Lợi		17,000	17,000	xã Tân Lợi	2,2km	2026	2027		17,000	17,000	2026							17,000	17,000	
3	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp mở rộng đường Tân Phú - Tân Hưng, xã Tân Lợi		45,000	45,000	xã Tân Lợi	2km	2027	2029		45,000	45,000	2027							45,000	45,000	
4	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường từ ngã ba NVH ấp Suối Đa đi ĐT 753		30,000	30,000	xã Tân Lợi	5km	2027	2028		30,000	30,000	2027							30,000	30,000	
5	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp mở rộng đường TTHC xã Tân Hưng cũ đến Nghĩa trang nhân dân huyện Đồng Phú cũ ra ĐT 753		75,000	75,000	Xã Tân Lợi	4,7km	2028	2030		75,000	75,000	2028							75,000	75,000	
6	Giao thông	Chưa có mã	nâng cấp láng nhựa đường từ ĐT 753 (ngã ba Tân Vòng) đi ấp Suối Nhúng		19,000	19,000	xã Tân Lợi	4km	2028	2029		19,000	19,000	2028							19,000	19,000	
7	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng Cầu Suối Đồi xã Tân Lợi		21,000	21,000	Xã Tân Lợi	18m	2028	2029		21,000	21,000	2028							21,000	21,000	
8	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng hoàn thiện đường, hạ tầng kỹ thuật khu TTHC xã Tân Lợi (Tân Hòa cũ)		95,000	95,000	Xã Tân Lợi	4,2km	2029	2030		95,000	95,000	2029							95,000	95,000	
9	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng hoàn thiện đường, hạ tầng kỹ thuật khu TTHC xã Tân Lợi		55,000	55,000	Xã Tân Lợi	2km	2029	2030		55,000	55,000	2029							55,000	55,000	
10	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng hoàn thiện đường, hạ tầng kỹ thuật khu TTHC xã Tân Lợi (Tân Hưng cũ)		92,000	92,000	Xã Tân Lợi	4km	2029	2030		92,000	92,000	2029							92,000	92,000	
11	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường vành đai 2 (phía Đông hồ Tân Hòa), xã Tân Lợi		25,000	25,000	Xã Tân Lợi	2,7km	2029	2030		25,000	25,000	2029							25,000	25,000	
12	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa từ nhà ông Bình đi cầu Tiến, xã Tân Lợi		15,000	15,000	xã Tân Lợi	2,5km	2030	2031		15,000	15,000	2030							15,000	15,000	
13	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường kết nối từ tuyến 3 đi Đồng Ổi, xã Tân Lợi		8,000	8,000	Xã Tân Lợi	1,7km	2030	2031		8,000	8,000	23030							8,000	8,000	
II	Lĩnh vực Công nghiệp				8,500	8,500						8,500	8,500								8,500	8,500	
1	Công nghiệp	Chưa có mã	Nâng cấp hệ đường dây, trạm biến áp các khu trung tâm xã Tân Lợi		3,000	3,000	5km		2026	2027		3,000	3,000	2026							3,000	3,000	
2	Công nghiệp	Chưa có mã	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trục chính xã Tân Lợi		5,500	5,500	10km		2026	2027		5,500	5,500	2026							5,500	5,500	
III	Lĩnh vực Giáo dục				122,300	122,300						122,300	122,300								122,300	122,300	
1	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng 04 phòng học và 04 phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường MN Tân Hòa		10,000	10,000	Xã Tân Lợi		2026	2027		10,000	10,000	2026							10,000	10,000	
2	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng nhà bếp, nhà ăn, hàng rào, nhà vệ sinh và sửa chữa 08 phòng học, nhà bảo vệ Trường TH và THCS Tân Hòa		6,800	6,800	Xã Tân Lợi	DT khoảng 250m2 hàng rào; nhà bảo vệ và cải tạo sửa chữa phòng học	2026	2027		6,800	6,800	2026							6,800	6,800	
3	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng 10 phòng học Trường MN Tân Lợi và các hạng mục phụ trợ, ấp Thạch Măng		19,000	19,000	Xã Tân Lợi	Diện tích khoảng 900m2;	2026	2027		19,000	19,000	2026							19,000	19,000	
4	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng 10 phòng học; nhà bếp, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ. Trường Tiểu học Tân Lợi		21,500	21,500	Xã Tân Lợi	Diện tích khoảng 850m2;	2026	2027		21,500	21,500	2026							21,500	21,500	
5	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng 06 phòng học kết hợp phòng chức năng và mua sắm trang thiết bị để Trường MN Tân Hưng đạt chuẩn quốc gia		17,500	17,500	Xã Tân Lợi	Phòng học diện tích khoảng 650m2; Hội trường, phòng giáo viên...	2028	2029		17,500	17,500	2028							17,500	17,500	
6	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng 06 phòng chức năng và nhà thi đấu đa năng, nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh Trường TH và THCS Tân Hưng		16,000	16,000	Xã Tân Lợi	diện tích 705m2 nhà đa năng 543m2	2027	2028		16,000	16,000	2027							16,000	16,000	
7	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Tân Lợi và các hạng mục phụ trợ, ấp Thạch Măng		19,000	19,000	Xã Tân Lợi	Diện tích khoảng 900m2;	2028	2029		19,000	19,000	2028							19,000	19,000	
8	Giáo dục	Chưa có mã	Xây dựng khối hành chính quản trị và mua sắm trang thiết bị để Trường MN Tân Lợi đạt chuẩn quốc gia		12,500	12,500	Xã Tân Lợi	Khối hành chính khoảng 500m2 và trang thiết bị	2028	2029		12,500	12,500	2028							12,500	12,500	
IV	Lĩnh vực Quy hoạch				2,700	2,700						2,700	2,700								2,700	2,700	
1	Quy hoạch	Chưa có mã	Lập quy hoạch chung xã Tân Lợi		1,000	1,000	15 ngàn dân		2026	2028		1,000	1,000	2026							1,000	1,000	
2	Quy hoạch	Chưa có mã	Lập quy hoạch sử dụng đất xã Tân Lợi		500	500	380km2		2026	2028		500	500	2026							500	500	
3	Quy hoạch	Chưa có mã	Lập quy hoạch chi tiết khu vực Nông thôn		1,200	1,200	khoảng 75ha		2028	2030		1,200	1,200	2028							1,200	1,200	
V	Lĩnh vực Môi trường				2,500	2,500						2,500	2,500								2,500	2,500	
1	Môi trường	Chưa có mã	Xây dựng bộ rác trung chuyển và đường dẫn vào bộ rác xã Tân Lợi		2,500	2,500	Xã Tân Lợi	khoảng 05 bộ rác mỗi bộ có diện tích khoảng 250m2	2026	2026		2,500	2,500	2026							2,500	2,500	
VI	Lĩnh vực Văn Hóa				42,000	42,000						42,000	42,000								42,000	42,000	
1	Văn Hóa	Chưa có mã	Xây dựng mới nhà văn hóa các ấp theo chủ trương sát nhập các ấp và các hạng mục phụ trợ xã Tân Lợi		42,000	42,000	Xã Tân Lợi	dự kiến 7 ấp khoảng 300m2/ NVH	2029	2030		42,000	42,000	2029							42,000	42,000	
VII	Lĩnh vực Khoa học công nghệ				17,000	17,000						17,000	17,000								17,000	17,000	
I			Công tác chuyển đổi số		10,000	10,000						10,000	10,000								10,000	10,000	
1.1	KHCN	Chưa có mã	Về xây dựng chính quyền số; Đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành thông minh cấp xã kết nối trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh		2,500	2,500	Xã Tân Lợi		2027	2028		2,500	2,500	2027							2,500	2,500	
1.2	KHCN	Chưa có mã	Phát triển xã hội: Đầu tư hệ thống thiết bị CNTT tại các nhà văn hóa thôn, ấp phục vụ nhu cầu số hóa các hoạt động xã hội xã trên địa bàn phường.		2,500	2,500	Xã Tân Lợi		2027	2028		2,500	2,500	2027							2,500	2,500	
1.3	KHCN	Chưa có mã	Đầu tư phòng Tin học, thiết bị CNTT tại các trường học trên địa bàn xã đáp ứng trường chuẩn hướng tới xây dựng Trường học thông minh.		3,500	3,500	Xã Tân Lợi		2028	2029		3,500	3,500	2028							3,500	3,500	
104	KHCN	Chưa có mã	Nâng cấp, bổ sung cụm loa truyền thanh thông minh đồng bộ, kết nối hệ thống truyền thanh thông minh của lĩnh phục vụ công tác tuyên truyền trên địa bàn xã		1,500	1,500	Xã Tân Lợi		2028	2029		1,500	1,500	2028							1,500	1,500	
2	KHCN	Chưa có mã	Mua sắm trang thiết bị các trường, trạm y tế và các ấp trên địa bàn		7,000	7,000	Xã Tân Lợi		2027	2028		7,000	7,000	2027							7,000	7,000	
VIII	Hoạt động các cơ quan				150,000	150,000						150,000	150,000								150,000	150,000	
1	Cơ quan	Chưa có mã</																					

Biểu 4

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/ND-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lấy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024 kéo dài và 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMDT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh			
				Số/ngày	TMDT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMDT											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =13-18	21=14-19	22	23	24
			TỔNG CỘNG		180,000	180,000						180,000	180,000						20 =13-18	21=14-19	180,000	180,000	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B			Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		175,000	175,000						175,000	175,000								175,000	175,000	
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN				70,000	70,000						70,000	70,000								70,000	70,000	
1	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường ngã ba nhà ông ba Nhu đi khu ĐCDC áp pa pếch xã Tân Lợi		18,000	18,000	xã Tân Lợi	2,5km	2026	2027	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	18,000	18,000	2026							18,000	18,000	
2	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT vào khu đất sản xuất 61 hộ Đồng bào dân tộc thiểu số ấp Thạch măng, xã Tân Lợi		6,000	6,000	xã Tân Lợi	1,8km	2026	2027	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2026	6,000	6,000	2026							6,000	6,000	
3	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi Khu Tinh thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Lợi		28,000	28,000	xã Tân Lợi	4,8 km	2027	2028	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	28,000	28,000	2027							28,000	28,000	
4	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường nối tiếp từ đường Ba Phương - Ừ Linh đến đường QH tuyến số 7, xã Tân Lợi		7,500	7,500	xã Tân Lợi	2km	2027	2028	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	7,500	7,500	2027							7,500	7,500	
5	Thương mại	Chưa có mã	Đầu tư xây dựng chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		7,000	7,000	xã Tân Lợi	chợ nông thôn	2027	2028	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	7,000	7,000	2,027							7,000	7,000	
6	Giao thông	Chưa có mã	Đầu tư thiết chế văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số		3,500	3,500	xã Tân Lợi	nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của ĐBDT	2028	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2028	3,500	3,500	2,028							3,500	3,500	
II	Chương trình mục tiêu XD nông thôn mới				105,000	105,000						105,000	105,000								105,000	105,000	
1	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng các tuyến đường BTXM theo cơ chế đặc thù		75,000	75,000	xã Tân Lợi	khoảng 50km cho gđ 2026-2030	2026	2030		75,000	75,000	2026-2030							75,000	75,000	
2		Chưa có mã	Xây dựng một số tiêu chí xã NTM		30,000	30,000	xã Tân Lợi	xây dựng các tiêu chí đạt chuẩn	2028	2029	Dự kiến duyệt dự án trong năm 2027	30,000	30,000	2,028							30,000	30,000	Bổ sung khi có hướng dẫn tiêu chí mới
C			Chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2031-2035		5,000	5,000						5,000	5,000								5,000	5,000	

